

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/HNST

Ngày: 12/9/2018

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà *Nguyễn Thị Tuyết Loan*

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông *Nguyễn Văn Minh*

2/ Bà *Phạm Thị Thiện*

Thư ký phiên tòa: Ông *Hồ Giáp Đỡ* – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2018/TLST-HN ngày 23 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 693/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Hồng H**, sinh năm 1973

Địa chỉ: 8 MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Tiến Đ**, sinh năm 1972

Địa chỉ: 108 NĐK, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: 191 BT, phường LDH, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Công C**

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2018 Lê Thị Hồng H trình bày: Bà và ông Huỳnh Tiến Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và đã được UBND phường A, thành phố C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2003. Quá trình chung ông, bà sống chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù đã nhiều

lần biện pháp hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được nữa nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Lê Anh K (nam), sinh ngày 13/12/2003, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vụ kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo luật định. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau các vấn đề trong vụ kiện như hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung (nếu có). Trong quá trình hòa giải nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Ông Đ xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa nên thống nhất thuận tình ly hôn với bà H. Về con chung: ông đồng ý giao cháu Huỳnh Lê Anh K (nam), sinh ngày 13/12/2003, cho bà H trực tiếp ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung ông xác định không có. Về nợ chung: ông Đ xác định không có. Đối với số nợ vay Ngân hàng TMCP K 350.000.000đồng là do bà H vay ông không biết và ông không có trách nhiệm trả số nợ này.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP K xác định: Ngày 02/12/2013 ông Huỳnh Tiến Đ và bà Lê Thị Hồng H đã ký hợp đồng tín dụng số 20821/HĐTD/TH-Tn/TCB-CTO, vay số tiền 350.000.000đồng, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân do hai bên thỏa thuận theo khế ước nhận nợ. Để bảo đảm nợ vay ông Đ, bà H đã thế chấp nhà và đất tọa lạc tại số 8 MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01910/HĐTC-BDS /TCB ngày 03/12/2013. Quá trình vay vốn ông Đ, bà H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 07/5/2018 ông Đ, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền 135.168.949đồng (trong đó nợ gốc là 133.368.000đồng, nợ lãi 1.800.349đồng).

Nay ông Đ, bà H làm thủ tục ly hôn đã vi phạm hợp đồng mà các bên thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà H phải thanh toán toàn bộ và một lần số tiền còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 07/5/2018 là 135.168.949đồng (trong đó nợ gốc là 133.368.000đồng, nợ lãi 1.800.349đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Do các đương sự không thỏa thuận được các vấn đề trong vụ kiện nên Tòa án căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Tiến Đ và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, bà xác định không có. Về nợ chung, bà cho rằng số nợ vay của Ngân hàng TMCP K là nợ riêng và đề nghị được tự trả số nợ này.

Đại diện của Ngân hàng TMCP K cho rằng do bà H và ông Đ cùng ký vào hợp đồng tín chấp để vay tiền nên đây là nợ chung và ông, bà phải cùng có trách nhiệm trả nợ. Do ông Đ, bà H đã vi phạm điều khoản đã ký kết trong hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu được thu hồi nợ trước thời hạn. Số tiền cụ thể tính đến ngày

11/9/2018 là 112.908.624đồng (trong đó nợ gốc 112.538.000đồng, nợ lãi 367.624đồng)

Trường hợp bà H và ông Đ không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP K có quyền phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà và đất tọa lạc tại số 8 Mậu Thân, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01910/HĐTC-BĐS /TCB ngày 03/12/2013 để thu hồi nợ.

Sau khi nghiên cứu những tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay.

XÉT THẤY

Về thẩm quyền: Hôn nhân giữa bà H và ông Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà H cho rằng, hôn nhân của bà và ông Đ đã không còn hạnh phúc nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ, do đó phát sinh tranh chấp về ly hôn. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Do ông Đ có nơi đăng ký thường trú tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông Đ:

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của bà H tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Hôn nhân giữa bà H và ông Đ là do tự nguyện nên khi về chung sống ông bà có thời gian hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và làm cho cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Mặc dù cả bà H và ông Đ có cố gắng dung hòa và tìm các biện pháp hàn gắn để gia đình vui vẻ, hạnh phúc nhưng không có kết quả. Tại biên bản hòa giải ngày 11/4/2018 ông Đ cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn tuy nhiên nếu bà H không còn tình cảm và cương quyết ly hôn thì ông cũng thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, bà H xác định không còn tình cảm với ông Đ nên xin được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà H và ông Đ đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng nên nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai, vì vậy cả bà H và ông Đ thống nhất thuận tình ly hôn là có cơ sở nên công nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Lê Anh K (nam), sinh ngày 13/12/2003, tại phiên hòa giải bà H và ông Đ có thỏa thuận giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay bà H tiếp tục yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 05/4/2018 cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ nếu bà H, ông Đ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với ý chí thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản chung: Ông Huỳnh Tiến Đ vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 11/4/2018 cả bà H và ông Đ xác định tài sản chung không có. Ngoài ra, bà H cũng có cung cấp cho Tòa án văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, theo đó, ông Đ thống nhất giao toàn bộ phần quyền sở hữu, sử dụng của ông đối với quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 08 đường Mậu Thân, phường an phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cho bà H làm tài sản riêng và bà H được toàn quyền định đoạt, đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định của pháp luật. Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử ghi nhận lời trình bày của ông Đ và bà H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà H và ông Đ xác định không có. Tuy nhiên, căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện ủy quyền Ngân hàng TMCP K tại phiên tòa xác định: Vào ngày 02/12/2013 ông Huỳnh Tiến Đ và bà Lê Thị Hồng H có cùng ký hợp đồng tín dụng số 20821/HĐTD/TH-Tn/TCB-CTO, vay số tiền 350.000.000đồng, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân do hai bên thỏa thuận theo khế ước nhận nợ. Để bảo đảm nợ vay ông Đ, bà H đã cùng ký thế chấp nhà và đất tọa lạc tại 8 MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01910/HĐTC-BDS /TCB ngày 03/12/2013. Như vậy, lời trình bày của bà H và ông Đ xác định không có nợ chung là chưa đúng vì thực tế cả ông bà đều cùng ký tên trong hợp đồng vay tiền với Ngân hàng TMCP K.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện của Ngân hàng TMCP K cho rằng, căn cứ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa Ngân hàng với bà H, ông Đ thì cả ông Đ và bà H cùng ký tên vay tiền, cùng ký tên thế chấp tài sản nên xác định đây là khoản nợ chung của 02 người. Đại diện của Ngân hàng thừa nhận, từ khi vay tiền đến nay bà H và ông Đ đều thực hiện tốt nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi và thời hạn vay tiền vẫn còn. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 15.2 của hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn khi bên vay hoặc bên thế chấp tài sản ly hôn. Do đó, căn cứ theo quy định này thì bà H và ông Đ đã vi phạm hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu bà H, ông Đ có trách nhiệm trả số tiền còn nợ trước hạn và lãi phát sinh tổng cộng 112.908.624đồng (trong đó nợ gốc 112.538.000đồng, nợ lãi 367.624đồng) là có cơ sở chấp nhận. Về thời gian và cách trả do hai bên không thỏa thuận được nên sẽ được giải quyết ở giai đoạn thi hành án.

Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay bà H đều thừa nhận khoản nợ đối với Ngân hàng và xác định bà tự chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại không yêu cầu ông Đ cùng có trách nhiệm trả chung. Đại diện Ngân hàng TMCP K không đồng ý với ý kiến của bà H và yêu cầu cả bà H và ông Đ cùng có trách nhiệm trả số nợ còn lại. Yêu cầu của Ngân hàng TMCP K là có cơ sở vì hợp đồng tín dụng được ký kết với bên vay là bà H và ông Đ nên đây là khoản nợ chung của hai người. Tuy nhiên Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự tự nguyện trả nợ của bà H.

Trường hợp bà H và ông Đ không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP K có quyền phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà và đất tọa lạc tại 8 MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01910/HĐTC-BDS /TCB ngày 03/12/2013 để thu hồi nợ.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm bà H phải chịu.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà H và ông Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 474 Bộ luật dân sự;
- Luật các tổ chức tính dụng năm 2010;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận tình ly hôn của bà Lê Thị Hồng H và ông Huỳnh Tiến Đ.

2/ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Lê Anh K (nam), sinh ngày 13/12/2003 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Đ, không ai được quyền ngăn cản. Để bảo đảm quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Nợ chung: Bà Lê Thị Hồng H và ông Huỳnh Tiến Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 112.908.624đồng (trong đó nợ gốc 112.538.000đồng, nợ lãi 367.624đồng).

Thời gian về cách trả nợ do Cơ quan thi hành án quy định.

Kể từ 12/9/2018 nếu bà H, ông Đ còn phải chịu lãi tính theo mức lãi suất vay được quy định theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết tương ứng với số tiền phải trả.

Trường hợp bà H và ông Đ không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà và đất tọa lạc tại số 8 MT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01910/HĐTC-BDS /TCB ngày 03/12/2013 để thu hồi nợ.

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng, bà H phải chịu. Bà H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng thành án phí theo biên lai thu số 004951 ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 5.645.000đồng bà H và ông Đ phải chịu. Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.379.000đồng theo biên lai thu số 007797 ngày 21/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- THA Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Loan